

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 15 tháng 9 năm 2020  
Về việc: " Ly hôn, tranh chấp  
Về nuôi con"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:*** Ông Hồ Văn Bình

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1/. Ông Trịnh Phước Đức.

2/. Ông Nguyễn Phước Lộc.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Chung, Thư ký tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang:*** tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung, kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)  
Địa chỉ: tổ 11, khu phố 9, thị trấn D, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
2. Bị đơn: Anh Ngô Minh T, sinh năm 1988 (vắng mặt).  
Địa chỉ: tổ 11, khu phố 9, thị trấn D, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 01 tháng 4 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày: Chị và anh Ngô Minh T tự nguyện tìm hiểu thương nhau được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý gả cưới có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 12 năm 2013, tại Ủy Ban nhân dân thị trấn D, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Ngay buổi đầu chị và anh T chung sống với nhau hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung tên Ngô Huỳnh N, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2013 hiện tại chị đang nuôi dưỡng. Chị và anh T chưa tạo dựng được tài sản chung. Giữa năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên tụ tập cờ bạc (đá Gà) không quan tâm đến vợ con, cứ mỗi lần thua bạc thì về đòi tiền, chị không đưa thì kiếm chuyện đánh đập. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và sống ly thân nhau,

anh T về gia đình cha, mẹ anh T ở còn chị thì về gia đình cha, mẹ chị ở cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngô Huỳnh N, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2013 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác nhận không có.

Bị đơn anh Ngô Minh T được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra, giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh T vẫn không có mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, Tuy nhiên, Thẩm phán vẫn còn thiếu sót, vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử thẩm phán cần rút kinh nghiệm chung.

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận cho chị D được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Ngô Huỳnh N, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2013 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở kiểm tra các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Ngô Minh T. Đồng thời, anh T cư trú tại tổ 11, khu phố 9, thị trấn D, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D có đơn xin xét xử vắng mặt Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì.

Bị đơn anh Ngô Minh T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vắng mặt không lý do Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, theo lời khai của chị D thì chị và anh T chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do, anh T ham vui chơi (cờ bạc) không quan tâm đến vợ, con làm cho vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi nhau và sống ly thân nhau mạnh ai nấy sống không quan tâm cho nhau, chị D yêu cầu ly hôn anh T.

Ngày 20/10/ 2019, Tòa án đã xác minh chính quyền địa phương cho biết chị D và anh T có hộ khẩu thường trú tại khu phố 9, thị trấn D, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Chị D và anh T thường xuyên cự cãi nhau là do anh T hay vui chơi cờ bạc không chăm lo vợ con. Bà Nguyễn Thị N (mẹ ruột anh T) cho biết gia đình cũng động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng không cải thiện được. Từ đó, vợ, chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và sống ly thân nhau cho đến nay.

Xét thấy, chị D và anh T sống đã bỏ mặc không quan tâm chăm sóc cho nhau chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Chị D yêu cầu ly hôn anh T là hoàn toàn tự nguyện có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị D xác nhận chị và anh T có 01 con chung tên Ngô Huỳnh N, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2013, hiện tại chị D đang nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Ngô Huỳnh N chưa đủ 7 tuổi, từ ngày ly thân đến nay cháu Như được chị D nuôi dưỡng chu toàn về mọi mặt nên giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị D.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác nhận không có nên không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc là Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

***Vì các lý trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Mỹ D đối với bị đơn là anh Ngô Minh T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Xử Cho chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn anh Ngô Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Huỳnh N, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2013 cho chị Trần Thị Mỹ D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Ngô Minh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ngô Minh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Không ai được cản trở. Trừ trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì bên đó có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0002616 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, chị D đã nộp đủ án phí. Anh Ngô Minh T không phải chịu án phí án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- CCTHA dân sự huyện Phú Quốc;
- UBND thị trấn D;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**HỒ VĂN BÌNH**